

Bản án số: 148/2022/HC-PT

Ngày 07/6/2022

V/v: “*Khiếu kiện QĐHC, HVHC
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn.

Ông Nguyễn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 22/2022/TLPT-HC ngày 09 tháng 02 năm 2022 về “*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2021/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, kháng nghị, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Dương Văn H, sinh năm 1935. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn H1 - Công ty luật TNHH TG, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Minh N – Phó Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 70 đường H2, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Ngọc Tr - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Ông Đinh Hữu Tr1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Tr2 - Chủ tịch UBND phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Tổ 1, khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Tr2 - Chủ tịch UBND phường. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1942.

+ Ông Dương Văn T1, sinh năm: 1983.

+ Bà Trần Thị Huỳnh Th1, sinh năm: 1988.

+ Bà Dương Thị K, sinh năm: 1979.

Cùng địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Bà Th, bà Th1, bà K ủy quyền cho ông Dương Văn T1. Ông T1 có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Trương Công N1. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tấn T2. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Bà Dương Thị Th2. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Lưu Ph. Địa chỉ: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Hữu Ph1. Địa chỉ: Tổ 3, Khối phố P2, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Trương Công T3. Địa chỉ: Khối phố A1, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Minh V. Địa chỉ: Tổ 4, khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được xác định như sau:

**** Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện - ông Dương Văn T1 trình bày:***

Năm 1988, Hợp tác xã nông nghiệp T4 có văn bản giao cho ông Dương Văn H tu bổ, quản lý, sử dụng con đập B1. Ông có trách nhiệm bỏ kinh phí toàn bộ đắp con đê vừa làm đường đi vừa ngăn mặn lên đồng lúa B và B1; con đê có chiều dài khoảng 160m, chân đê rộng 4m, mặt đê rộng 3m, chiều cao đê 1,5m, có 3 cống thoát nước. Đổi lại ông H được HTX cho sử dụng khai thác diện tích đất trong đập. Sau khi đắp đê hoàn thành, ông cải tạo khoảng 15 sào đất, sau đó có cho em là Dương Văn 2 sào đất lúa; đến năm 2005 làm dự án đắp hồ nuôi cá khoảng 5 sào, diện tích còn lại tiếp tục cấy lúa, đặt cá theo con nước tự nhiên. Trong đó có các thửa đất 295, 296, 297 tờ bản đồ số 49 theo các phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 06/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T. Năm 1999, do bị lũ cuốn trôi giấy tờ HTX T4 giao đất, giao đập B1 cho ông H sử dụng nhưng các cán bộ HTX, cán bộ xã T4, các hộ có đất lân cận đều làm chứng, biết ông sử dụng đất liên tục từ năm 1988 đến nay là đúng sự thật.

Thực hiện dự án KDC-TĐC đường dẫn vào cầu Kỳ Phú 1 và 2 giai đoạn 3, UBND thành phố T giải tỏa, thu hồi các thửa đất 295, 296, 297 nhưng không kiểm kê, thu hồi đất và bồi thường thiệt hại, hỗ trợ cho ông. Ông đã khiếu nại nhưng UBND thành phố T trả lời bằng văn bản số 2144/UBND-PTQĐ ngày 30/9/2019 không đúng về quy định giải quyết khiếu nại và không chấp nhận bồi thường về đất cho ông. UBND thành phố T không tiến hành đối thoại, xác minh theo các Điều 19, 30 Luật khiếu nại và không ra quyết định giải quyết khiếu nại theo Điều 30 Luật khiếu nại; nội dung giải quyết khiếu nại là đất của ông sử dụng là đất hoang, không sử dụng canh tác, trên đất không có cây cối, do UBND phường quản lý là sai, không đúng thực tế. Ông khiếu nại văn bản số 2144, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ra quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 không chấp nhận khiếu nại. Tại biên bản làm việc ngày 22/5/2019 của UBND phường A, Trung tâm Phát triển quỹ đất và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T cũng xác định tại vị trí các thửa đất có bờ ruộng, có dụng cụ bắt cá tự nhiên. Ngoài ra có sự chênh lệch diện tích đất của thửa 288 tại văn bản số 48 ngày

14/5/2019 của UBND phường A và trích lục bản đồ tại mảnh đo đạc số 54-2019 là 3.722,5m² ở đây có sự nhầm lẫn trùng lặp diện tích 03 thửa đất của ông với thửa 288. Hiện nay UBND phường A, trung tâm PTQĐ đã thừa nhận con đê dài khoảng 160m, chân đê rộng 4m, mặt đê rộng 3m, chiều cao đê 1,5m, có 3 cống thoát nước là của ông, đang làm thủ tục thu hồi và bồi thường cho ông. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn H, thường trú tại khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam;

- Hủy Văn bản số 2144/UBND-PTQĐ ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc trả lời của công dân;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường thiệt hại đối với các thửa đất số 295, 296, 297; tờ bản đồ số 49 tại khu vực đập B1, khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

**** Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:***

Vị trí thửa đất hộ ông Dương Văn H đề nghị được bồi thường gồm các thửa đất:

- Thửa đất số 295, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.019,1 m², loại đất BCS, do UBND phường A quản lý.

- Thửa đất số 296, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.630,9 m², loại đất BCS, do UBND phường A quản lý.

- Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.280,9 m², loại đất BCS, do UBND phường A quản lý.

(Theo mảnh đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính số 54- 2019 được Chi nhánh văn phòng ĐKĐĐ T đo vẽ và UBND phường A kiểm tra ngày 08/7/2019).

Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ:

- Hồ sơ đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg (chưa được duyệt):

Vị trí đất hộ ông H đề nghị được bồi thường thuộc một phần thửa đất số 504 (diện tích 2.999m²) và một phần thửa đất số 426 (diện tích 4.195m²), tờ bản đồ số 9, loại đất ứng thủy, do UBND xã T4 (cũ) quản lý.

- Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP (duyet ngày 30/10/1997):

Vị trí đất hộ ông H đề nghị được bồi thường thuộc một phần thửa đất số 159, tờ bản đồ số 49, diện tích 139.890,0 m², loại đất Hg.đ, do UBND xã T4 (cũ) quản lý.

- Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 60/CP (duyet ngày 06/4/2005):

Vị trí đất hộ ông H đề nghị được bồi thường thuộc một phần thửa đất số 177, tờ bản đồ số 37, diện tích 19.645,3 m², loại đất Hn, do UBND phường A quản lý.

- Hồ sơ cơ sở dữ liệu địa chính (duyet năm 2015):

Vị trí đất hộ ông H đề nghị được bồi thường thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 49, diện tích 18.160,0 m², loại đất BCS do UBND phường A quản lý.

- Về kết quả họp xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất của Hội đồng tư vấn đất đai phường A:

Các thửa đất số 295, 296, 297 tờ bản đồ số 49, có nguồn gốc sử dụng đất là đất hoang do UBND phường A quản lý. Theo phiếu lấy ý kiến của khu dân cư thì diện tích đất này không sử dụng canh tác từ trước đến nay. Tại thời điểm kiểm tra hiện trạng, thì vị trí đất đề nghị được bồi thường đều bị bỏ hoang hóa, không canh tác, sử dụng. Trên đất không có trồng cây cối gì. Phần diện tích mặt nước không sử dụng nuôi trồng thủy sản. Vụ việc đã được UBND thành phố T trả lời tại Công văn số 2144/UBND-PTQĐ ngày 30/9/2019. Không thống nhất với nội dung trả lời tại Công văn nêu trên, ngày 24/10/2019 hộ ông Dương Văn H tiếp tục có đơn khiếu nại và đã được UBND thành phố T thụ lý giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1409/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 với nội dung: Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 24/10/2019 của ông Dương Văn H, đồng thời giữ nguyên Công văn số 2144/UBND-PTQĐ ngày 30/9/2019 của UBND thành phố T. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H không có căn cứ pháp luật.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Người đại diện theo ủy quyền Ủy ban nhân dân phường A trình bày: Qua các lần đăng ký địa chính các thửa đất số 295, 296, 297 tờ bản đồ số 49, ông H không kê khai đăng ký, diện tích đất này do UBND phường quản lý. Qua lấy ý kiến của các hộ dân cư gần các thửa đất thì 03 thửa đất số 295, 296, 297 là đất hoang không sử dụng, khi tiến hành giải tỏa, bồi thường cho các hộ dân tại khu vực này thì ông H không có ý kiến gì, đến thời gian sau này ông H mới có ý kiến. Yêu cầu khởi kiện của ông H là không có căn cứ pháp luật.

Với nội dung vụ án được xác định như trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2021/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã Quyết định:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính, điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 77 Luật đất đai, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H:

- Hủy Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn H, thường trú tại khối phố P, phường A, thành phố T;

- Hủy Văn bản số 2144/UBND-PTQĐ ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời của công dân;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ đối với các thửa đất số 295, 296, 297 tờ bản đồ số 49 tại khu vực đập B1, khối phố P, phường A, thành phố T theo đúng quy định của pháp luật cho hộ ông Dương Văn H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 25/11/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (sau đây gọi là người bị kiện) kháng cáo yêu cầu sửa bản án hành chính sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn H, thường trú tại khối phố P, phường A, thành phố T;

- Hủy Văn bản số 2144/UBND-PTQĐ ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời của công dân;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ đối với các thửa đất số 295, 296, 297, tờ bản đồ số 49 tại khu vực đập B1, khối phố P, phường A, thành phố T theo đúng quy định của pháp luật cho hộ ông Dương Văn H.

Ngày 16/8/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 19/QĐ-VKS-HC kháng nghị Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2021/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng

Nam, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về:

- Hủy Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn H, thường trú tại khối phố P, phường A, thành phố T;

- Hủy Văn bản số 2144/UBND-PTQĐ ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời của công dân;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ đối với các thửa đất số 295, 296, 297 tờ bản đồ số 49 tại khu vực đập B1, khối phố P, phường A, thành phố T theo đúng quy định của pháp luật cho hộ ông Dương Văn H.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; Người bị kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người bị kiện, bác các yêu cầu của Người khởi kiện. Người khởi kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát. Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị: Chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo nội dung yêu cầu kháng cáo của Người bị kiện và đề nghị kháng nghị của Viện kiểm sát.

Sau khi nghe: Nội dung kháng cáo, kháng nghị; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện kháng cáo có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt Người kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (sau đây gọi là Người bị kiện) và Quyết định kháng nghị số 19/QĐ-VKS-HC của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2021/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H thì thấy:

[2.1]. Thực hiện dự án KDC-TĐC đường dẫn vào cầu Kỳ Phú 1 & 2 giai đoạn 3, UBND thành phố T thu hồi các thửa đất 295, 296, 297 tờ bản đồ số 49, diện tích khoảng 3.930,9m² tại khu vực đập Bảy Làng, khối phố P, phường A,

thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì diện tích các thửa đất nói trên thể hiện đăng ký, quản lý như sau:

- Thửa đất số 295, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.019,1 m², loại đất BCS, do UBND phường A quản lý.

- Thửa đất số 296, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.630,9 m², loại đất BCS, do UBND phường A quản lý.

- Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.280,9 m², loại đất BCS, do UBND phường A quản lý;

Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ:

- Hồ sơ đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg:

Vị trí đất hộ ông H đề nghị được bồi thường thuộc một phần thửa đất số 504 (diện tích 2.999m²) và một phần thửa đất số 426 (diện tích 4.195m²), tờ bản đồ số 9, loại đất ứng thủy, do UBND xã T4 (cũ) quản lý;

- Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP (duyet ngày 30/10/1997):

Vị trí đất hộ ông H đề nghị được bồi thường thuộc một phần thửa đất số 159, tờ bản đồ số 49, diện tích 139.890,0 m², loại đất Hg.đ, do UBND xã T4 (cũ) quản lý.

- Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 60/CP (duyet ngày 06/4/2005):

Vị trí đất hộ ông H đề nghị được bồi thường thuộc một phần thửa đất số 177, tờ bản đồ số 37, diện tích 19.645,3 m², loại đất Hn, do UBND phường A quản lý.

- Hồ sơ cơ sở dữ liệu địa chính (duyet năm 2015):

Vị trí đất hộ ông H đề nghị được bồi thường thuộc một phần thửa đất số 288, tờ bản đồ số 49, diện tích 18.160,0 m², loại đất BCS do UBND phường A quản lý.

[2.2]. Như vậy, các thửa đất số 295, 296, 297 tờ bản đồ số 49, có nguồn gốc sử dụng đất là đất hoang do UBND phường A quản lý. Theo phiếu lấy ý kiến của khu dân cư thì diện tích đất này không sử dụng canh tác từ trước đến nay. Tại thời điểm kiểm tra hiện trạng, thì vị trí đất đề nghị được bồi thường đều bị bỏ hoang hóa, không canh tác, sử dụng. Trên đất không có trồng cây cối gì. Phần diện tích mặt nước không sử dụng nuôi trồng thủy sản. Ủy ban nhân dân phường A cũng xác nhận: Qua các lần đăng ký địa chính các thửa đất số 295, 296, 297 tờ bản đồ số 49, ông H không kê khai đăng ký, diện tích đất này do UBND phường quản lý, qua lấy ý kiến của các hộ dân cư thì 03 thửa đất số 295, 296, 297 là đất hoang không sử dụng. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện các thửa đất mà ông H yêu cầu được bồi thường thì ông H không kê khai,

đăng ký và cũng không được cân đối theo Nghị định 64. Ông H cũng không chứng minh được thời gian sử dụng đất liên tục. Việc ông H có khai thác diện tích đất hoang này là khai thác tự nhiên như bắt hải sản, trồng rau muống... nên ông H không đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 75 và khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 nên yêu cầu khởi kiện của ông H là không có căn cứ pháp luật.

[3]. Từ những nhận định trên có căn cứ để khẳng định Bản án hành chính sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H về hủy các Văn bản: Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn H, thường trú tại khối phố P, phường A, thành phố T; Văn bản số 2144/UBND-PTQĐ ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời của công dân và Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ đối với các thửa đất số 295, 296, 297 tờ bản đồ số 49 tại khu vực đập B1, khối phố P, phường A, thành phố T theo đúng quy định của pháp luật cho hộ ông Dương Văn H là không có căn cứ, không đúng với quy định tại Điều 75 và khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2021/HC-ST ngày 04/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[4]. Do chấp nhận kháng cáo nên Người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân thành phố T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Do sửa Bản án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, ông Dương Văn H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, nhưng ông Dương Văn H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T; chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HC ngày 01/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2021/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 75 và điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 77 Luật đất đai.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H về:

- Hủy Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 16/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Văn H, thường trú tại khối phố P, phường A, thành phố T;

- Hủy Văn bản số 2144/UBND-PTQĐ ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc trả lời của công dân;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ đối với các thửa đất số 295, 296, 297, tờ bản đồ số 49 tại khu vực đập B1, khối phố P, phường A, thành phố T theo đúng quy định của pháp luật cho hộ ông Dương Văn H.

2. Án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm cho ông Dương Văn H.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân thành phố T 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0000027 ngày 02/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến